

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
(Khóa 25)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Tên tiếng Anh: **Business Administration**

Mã ngành: **7340101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 617/QĐ-ĐHTG ngày 05 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Đồng Tháp, năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	1
1. Thông tin về chương trình đào tạo	1
1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo	1
1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo	1
2. Chuẩn đầu vào	2
3. Cấp bằng tốt nghiệp	2
PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.	2
1. Mục tiêu cụ thể.....	2
2. Chuẩn đầu ra	3
2.1. Kiến thức	3
2.2. Kỹ năng.....	3
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	4
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4
PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	4
1. Cấu trúc chương trình đào tạo	5
1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	5
1.2. Cấu trúc chương trình	5
2. Khung chương trình đào tạo	5
3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học.....	9
4. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần	9
4.1. Bảng chi tiết CDR của CTĐT	9
4.2 Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần	13
5. Đề cương chi tiết học phần	13
6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học.....	13
6.1. Thời gian đào tạo của các học phần.....	13
6.2. Thời gian đào tạo của Chương trình	13
6.3. Khoa hướng dẫn: tự học, thực tập cuối khoá	14
7. Thông tin cập nhật.....	14
7.1. Cơ sở phát triển chương trình.....	14
7.2. Thông tin kiểm định	14

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Khóa 25

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 617/QĐ-ĐHTG ngày 05 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: **Đại học Quản trị kinh doanh tổng hợp**
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
 - + Tiếng Anh: **Business Administration**
- Mã ngành: 7340101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: **Cử nhân Quản trị kinh doanh**
 - + Tiếng Anh: **Bachelor of Business Administration**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo: Chương trình Đại học Quản trị kinh doanh của Trường ĐHTG được xây dựng có tham khảo các CTĐT sau:
 - + CTĐT đào tạo trình độ đại học ngành QTKD, Trường Đại học Cần Thơ.
 - + CTĐT đào tạo trình độ đại học ngành QTKD tổng hợp, Trường Đại học Tài chính – Marketing TP. HCM.
 - + CTĐT đào tạo trình độ đại học ngành QTKD, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên sâu và mở rộng về Quản trị kinh doanh; có kỹ năng thực hành, thực tiễn nghề nghiệp Quản trị kinh doanh; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có năng lực sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn của Quản trị kinh doanh để phục vụ

cộng đồng và xã hội.

Người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, nghiên cứu, tự học nâng cao trình độ; có năng lực khởi nghiệp, phát huy tiềm năng của bản thân, sống hài hòa và hạnh phúc.

2. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 235/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

3. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ.

PO02: Kiến thức tổng quan cơ sở ngành quản trị kinh doanh.

PO03: Kiến thức ngành, mở rộng và thực tiễn ngành quản trị kinh doanh.

1.2. Kỹ năng

PO04: Kỹ năng nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; có trách nhiệm với nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng và xã hội.

PO05: Có năng lực số, khám phá tri thức mới, sáng tạo cách làm mới nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả.

PO06: Kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PO07: Kỹ năng phân tích, tư duy, phản biện, giao tiếp kinh doanh; sử dụng ngoại ngữ; làm việc và lãnh đạo nhóm để thích nghi trong các môi trường thực tiễn kinh doanh.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO08: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự chủ, làm việc nhóm, có khả năng dẫn dắt người khác và khởi nghiệp.

PO09: Có sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

PO10: Có phẩm chất cá nhân, yêu nghề, trung thực và thích ứng linh hoạt với các môi trường làm việc.

PO11: Có trách nhiệm cao đối với công việc, tổ chức và cộng đồng; tác phong làm việc chuẩn mực.

1.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành QTKD có khả năng đảm nhiệm các vị trí công việc cụ thể:

- Chuyên viên hoặc quản lý tại nhiều bộ phận khác nhau: nhân sự, marketing, kinh doanh, nghiên cứu và phát triển (R&D), sản xuất, xuất nhập khẩu, thương mại điện tử, truyền thông và quảng cáo, dự án,...của các doanh nghiệp trong nhiều ngành kinh doanh khác nhau;
- Tự thành lập và điều hành doanh nghiệp;
- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, hoặc nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu kinh tế, quản lý.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ

Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị những kiến thức, kỹ năng về kinh tế, quản trị và kinh doanh, sau tốt nghiệp có thể:

- Học tập ở bậc cao hơn (Thạc sỹ, Tiến sỹ) chuyên ngành Quản trị kinh doanh của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; học các chương trình văn bằng hai ngành gần.
- Tự học tập, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết còn thiếu đáp ứng yêu cầu công việc, thích ứng với các môi trường làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, chuyển đổi số, khoa học chính trị và pháp luật để phục vụ học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

K02. Kiến thức cơ sở ngành để luận giải các vấn đề cơ bản trong kinh tế và quản trị kinh doanh.

K03. Vận dụng kiến thức chuyên sâu và mở rộng ngành quản trị kinh doanh để áp dụng linh hoạt trong thực tiễn các môi trường kinh doanh và sự phát triển của công nghệ.

K04. Kiến thức thực tế về hoạt động quản lý và kinh doanh trong doanh nghiệp.

K05. Vận dụng kiến thức vào lập kế hoạch, tổ chức vận hành và đánh giá quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, hiện thực hoá, vận hành chương trình/dự án kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

S01. Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc các thành viên trong nhóm.

S02. Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

S03. Kỹ năng thuyết trình, đàm phán, thuyết phục, xây dựng mối quan hệ và nói trước công chúng.

S04. Kỹ năng chuyên môn cần thiết để lập kế hoạch, phân tích và đánh giá kế hoạch/dự án kinh doanh.

S05. Kỹ năng dẫn dắt, khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.

A02. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có những tố chất cần thiết của nhà lãnh đạo; đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

A03. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn và trách nhiệm với cộng đồng.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x												
PO02		x		x	x								
PO03			x	x	x								
PO04						x				x			
PO05	x					x	x		x	x	x		
PO06						x		x	x	x			
PO07						x	x	x	x				
PO08											x	x	
PO09												x	
PO10											x	x	
PO11											x		x

Ghi chú: Đánh dấu (x) là thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình : **151**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **126**

(Không tính các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng và an ninh và các học phần General English 1, General English 2)

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	34	00	34	26,99
2	Kiến thức cơ sở ngành	23	02	25	19,84
3	Kiến thức ngành	33	12	45	35,71
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	05	09	14	11,11
5	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	00	08	08	6,35
Tổng cộng		95	31	126	100%

2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							2	2	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English 1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024 ⁺

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
08044	English 3	60					4	4	08034 ⁺
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên							9	9	
08133	Toán cao cấp C	30	30				3	3	
08733D	Xác suất thống kê A	30	30				3	3	08133+
30093	Kỹ năng số	15		60			3	3	
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1 Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12271	Đá cầu 1			30			1	1*	12371+
12391	Bóng chuyền 1			30			1		12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12281	Đá cầu 2			30			1	1*	12271+
12441	Bóng chuyền 2			30			1		12391+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							8	8*	
12813	Giáo dục quốc phòng I	45					3	3*	
12922	Giáo dục quốc phòng II	30					2	2*	
12931	Giáo dục quốc phòng III			30			1	1*	
12942	Giáo dục quốc phòng IV			60			2	2*	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							34	34	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							27	25	
66043	Kinh tế vi mô	42	6				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	42	6				3	3	66043+
67003	Quản trị học	42	6				3	3	
67183	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	42	6				3	3	08044+
67482	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	27	6				2	2	
68063	Nguyên lý kế toán	42	6				3	3	
70013	Marketing căn bản	42	6				3	3	
71073	Luật thương mại	40	10				3	3	71012+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	28	4				2	2	
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	27	6				2		
2.2. Ngành							51	45	
67123	Quản trị nhân lực	42	6				3	3	67003+
67173	Quản trị chất lượng	42	6				3	3	67003+
67213	Quản trị chiến lược	42	6				3	3	67123+ 67173+ 67233+ 67273+
67223	Quản trị đổi mới sáng tạo	40	10				3	3	67003+
67233	Quản trị sản xuất	42	6				3	3	67003+
67263	Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức	42	6				3	3	
67273	Quản trị Marketing	42	6				3	3	70013+
67313	Quản trị chuỗi cung ứng	42	6				3	3	67003+
67343	Thương mại điện tử	30		30			3	3	67003+ 70013+ 30093+
67513	Phân tích định lượng trong kinh doanh	30		30			3	3	67482+ 30093+
69153	Quản trị tài chính	42	6				3	3	67003+
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 12 TC)									
67143	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	42	6				3	12	
67163	Quản trị kinh doanh quốc tế	42	6				3		67003+
67243	Quản trị rủi ro	42	6				3		67003+
67293	Quản trị dự án	42	6				3		67003+
67333	Quản trị thương hiệu	42	6				3		67003+ 70013+
70053	Quản trị bán hàng	42	6				3		67003+ 70013+
2.3. Bổ trợ							20	14	
67393	Khởi nghiệp kinh doanh	42	6				3	3	67003+ 70013+
67472	Giao tiếp kinh doanh	27	6				2	2	
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 9 TC)									
67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh	27	6				2	9	
67052	Nghệ thuật lãnh đạo	27	6				2		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
67192	Quản trị hành chính văn phòng	27	6				2		
67492	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	20	20				2		
67523	Phân tích và dự báo trong kinh doanh	42	6				3		68063+ 69153+
68122	Kế toán quản trị	28	4				2		68063+
69112	Thị trường chứng khoán	27	6				2		
2.4. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận cuối khóa							19	8	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 8 TC)									
67955	Chuyên đề cuối khóa				225		5	5	67213+ 69153+
67533	Quản trị KPI	42	6				3	3	67123+
67543	Quản trị quan hệ khách hàng	35	20				3		67273+
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 8 TC)									
67968	Khóa luận cuối khóa					480	8	8	67213+ 69153+
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							117	92	
Số tín chỉ tổng cộng: 151 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 126 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) là Học phần điều kiện

- Đối với các học phần điều kiện General English 1, General English 2: người học phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần của chương trình môn học tiếng Anh không chuyên có trong chương trình đào tạo, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với các học phần điều kiện thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh: người học phải học và đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong hệ thống tích hợp thông tin TGUIIS đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺.

3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo

4. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

4.1. Bảng chi tiết CDR của CTĐT

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
1	KIẾN THỨC		
1.1	K01	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, chuyển đổi số, khoa học chính trị và pháp luật để phục vụ học tập, nghiên cứu và giao tiếp.	
1.1.1	K01.1	Hiểu kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật đại cương, quốc phòng – an ninh, văn hóa và môi trường,...	
1.1.2	K01.2	Vận dụng được kiến thức về giáo dục thể chất nhằm có được sức khỏe để học tập và làm việc.	
1.1.3	K01.3	Vận dụng được kiến thức về kỹ năng số vào học tập, nghiên cứu và làm việc.	
1.1.4	K01.4	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên.	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
1.2	K02	Kiến thức cơ sở ngành để luận giải các vấn đề cơ bản trong kinh tế và quản trị kinh doanh.	
1.2.1	K02.1	Vận dụng các kiến thức cơ bản quản trị học, marketing căn bản,...để phát triển ý tưởng, hiện thực hóa, lý giải được các vấn đề trong quản trị kinh doanh.	
1.2.2	K02.2	Lựa chọn các kiến thức liên ngành về kinh tế, kế toán, luật thương mại,... để phân tích, lý giải các vấn đề của nền kinh tế và trong quản trị kinh doanh.	
1.3	K03	Vận dụng kiến thức chuyên sâu và mở rộng ngành quản trị kinh doanh để áp dụng linh hoạt trong thực tiễn các môi trường kinh doanh và sự phát triển của công nghệ.	
1.3.1	K03.1	Vận dụng kiến thức nhân lực, tài chính và chiến lược.	
1.3.2	K03.2	Vận dụng kiến thức sản xuất - cung ứng và chất lượng.	
1.3.3	K03.3	Vận dụng kiến thức về Marketing và văn hóa doanh nghiệp.	
1.3.4	K03.4	Vận dụng kiến thức đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.	
1.3.5	K03.5	Vận dụng các kiến thức phân tích kinh doanh và ứng dụng kinh doanh trực tuyến.	
1.3.6	K03.6	Lựa chọn các kiến thức kinh doanh quốc tế, tài chính, thương hiệu, tâm lý quản lý và nghệ thuật lãnh đạo, ... vào hoạt động nghề nghiệp.	
1.4	K04	Kiến thức thực tế về hoạt động quản lý và kinh doanh trong doanh nghiệp.	
1.4.1	K04.1	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu và mở rộng vào thực tế hoạt động quản lý và kinh doanh của doanh nghiệp thông qua các hoạt động thực tế tại doanh nghiệp.	
1.4.2	K04.2	Giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn liên quan hoạt động quản lý và kinh doanh.	
1.5	K05	Vận dụng kiến thức vào lập kế hoạch, tổ chức vận hành và đánh giá quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, hiện thực hoá, vận hành chương trình/dự án kinh doanh	
1.5.1	K05.1	Lựa chọn, đánh giá, mô hình hóa ý tưởng các hoạt động quản lý dự án, bán hàng, thương mại,...của	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
		chương trình/dự án kinh doanh	
1.5.2	K05.2	Tổ chức thực hiện các nội dung công việc để kiểm soát rủi ro, hình ảnh doanh nghiệp, sự phù hợp các chuẩn mực kinh doanh trong và ngoài nước của chương trình/dự án kinh doanh.	
1.5.3	K05.3	Đánh giá và thiết kế các thủ tục, quy trình quản lý và lãnh đạo phù hợp vận hành chương trình/dự án kinh doanh.	
2	KỸ NĂNG		
2.1	S01	Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc các thành viên trong nhóm.	
2.1.1	S01.1	Xác định và khái quát hóa vấn đề.	
2.1.2	S01.2	Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.	
2.1.3	S01.3	Phê phán, phản biện và đề xuất giải pháp.	
2.1.4	S01.4	Xác định mục tiêu, phương pháp và công cụ đánh giá kết quả, chất lượng công việc của mỗi thành viên.	
2.1.5	S01.5	Xác định các tiêu chí đánh giá thành viên và thực hiện đánh giá kết quả và chất lượng công việc của mỗi thành viên.	
2.2	S02	Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học được quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
2.2.1	S02.1	Sử dụng năng lực số và ngoại ngữ trong giao tiếp hằng ngày và công việc.	
2.2.2	S02.2	Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ.	
2.3	S03	Kỹ năng thuyết trình, đàm phán, thuyết phục, xây dựng mối quan hệ và nói trước công chúng.	
2.3.1	S03.1	Lựa chọn các phương pháp giao tiếp hiệu quả.	
2.3.2	S03.2	Thực hành các kỹ năng thuyết trình, đàm phán, thuyết phục hiệu quả.	
2.3.3	S03.3	Thực hiện được kỹ năng xây dựng mối quan hệ và nói trước công chúng.	
2.4	S04	Kỹ năng chuyên môn cần thiết để lập kế hoạch,	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
		phân tích và đánh giá kế hoạch/dự án kinh doanh	
2.4.1	S04.1	Xây dựng các kế hoạch/dự án kinh doanh.	
2.4.2	S04.2	Tổ chức, điều khiển các kế hoạch/dự án kinh doanh.	
2.4.3	S04.3	Đánh giá các kế hoạch/dự án kinh doanh.	
2.5	S05	Kỹ năng dẫn dắt, khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	
2.5.1	S05.1	Thực hiện kế hoạch/dự án khởi nghiệp.	
2.5.2	S05.2	Thực hiện dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	
3	MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
3.1	A01	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.	
3.1.1	A01.1	Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi và trong quá trình chuyển đổi số.	
3.1.2	A01.2	Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc.	
3.1.3	A01.3	Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn.	
3.1.4	A01.4	Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn.	
3.2	A02	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có những tố chất cần thiết của nhà lãnh đạo; đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.	
3.2.1	A02.1	Tự định hướng, tự nghiên cứu và khám phá vấn đề chuyên môn một cách độc lập.	
3.2.2	A02.2	Thể hiện sự trung thực, kiên nhẫn, cẩn thận, linh hoạt và nhạy bén trong những cơ hội hoàn cảnh khác nhau.	
3.2.3	A02.3	Biểu lộ tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, yêu thích công việc.	
3.2.4	A02.4	Đề xuất giải pháp quản lý thời gian và nguồn lực hợp lý.	
3.2.5	A02.5	Đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động chuyên môn.	

Số TT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
3.3	A03	Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn và trách nhiệm với cộng đồng.	
3.3.1	A03.1	Thực hiện các quy định và văn hóa của doanh nghiệp, cơ quan.	
3.3.2	A03.2	Thực hiện đúng đạo đức nghề nghiệp, tìm ra cách phục vụ đất nước và cộng đồng tốt, tự chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật	
3.3.3	A03.3	Xác định tinh thần làm việc nghiêm túc, đúng đắn và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.	

4.2 Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

Phụ lục II: Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

5. Đề cương chi tiết học phần

Phụ lục III: Bộ đề cương chi tiết học phần của chương trình

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học

6.1. Thời gian đào tạo của các học phần

- Mỗi học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

6.2. Thời gian đào tạo của Chương trình

a) Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

- Khóa học là khoản thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

- Một năm học có 02 học kỳ chính. Trường có thể tổ chức thêm 01 học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện điểm, hoặc học tập chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 05 tuần thực học, 02 tuần thi và chấm thi).

- Đầu học kỳ, nhà trường công bố kế hoạch mở lớp học phần (trực tiếp hoặc trực tuyến) trên cơ sở kế hoạch giảng dạy của khóa ngành học, trong đó công khai đầy đủ các thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

b) Căn cứ vào Khung kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Khoa Kinh tế - Luật phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

6.3. Khoa hướng dẫn: tự học, thực tập cuối khoá

- Chương trình đào tạo ngành QTKD được triển khai thực hiện đào tạo chú trọng lấy người học làm trung tâm, kết hợp giảng dạy với tự học, tự nghiên cứu và thực tập của sinh viên;

- Phương pháp giảng dạy được sử dụng trong CTĐT là những phương pháp mới: Thảo luận nhóm, học bằng tình huống, seminar, ... nhằm nâng cao tính chủ động, tích cực và phát triển sự tư duy, sáng tạo của người học;

- Tất cả sinh viên của khóa đào tạo bắt buộc tham gia hoạt động thực tập thực tế tại các doanh nghiệp vào học kỳ cuối của CTĐT nhằm tăng sự tương tác, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp và rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp. Đây là cơ sở để Bộ môn và Khoa đánh giá kết quả và đề nghị xét tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện.

7. Thông tin cập nhật

7.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang;

- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Kế hoạch số 924/KH-ĐHTG ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học áp dụng Khoá 25.

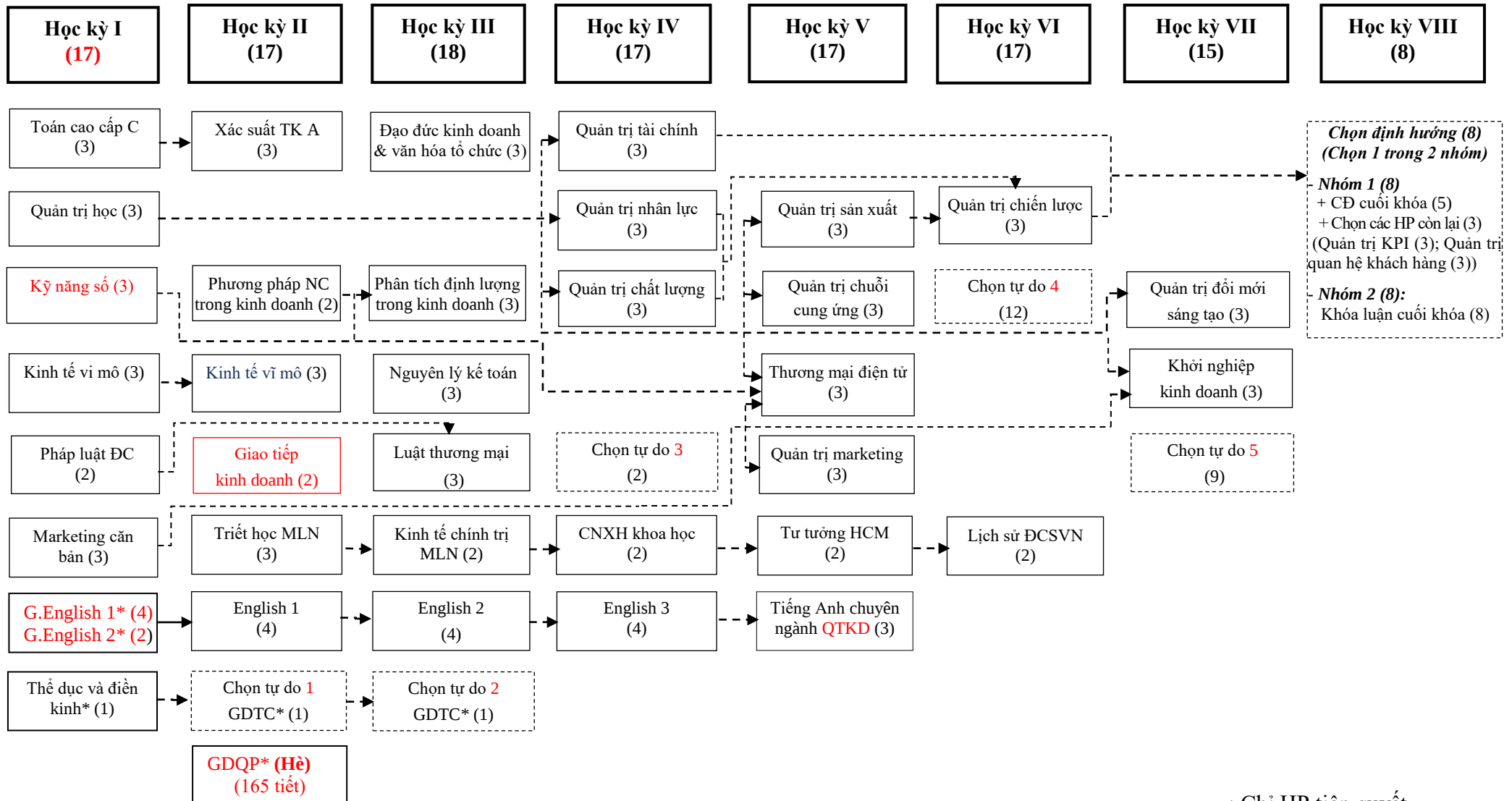
7.2. Thông tin kiểm định

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM đánh giá đạt theo bộ

tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và cấp Giấy chứng nhận đạt kiểm định ngày 26 tháng 4 năm 2023./.

PHỤ LỤC I:
SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTĐT ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH
TỔNG HỢP

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Quản trị kinh doanh - Khóa 25



→ : Chỉ HP tiên quyết,
 - - -> : Chỉ HP học trước
 (x): Số tín chỉ
 (*): HP điều kiện

PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN PHÂN BỐ CHI TIẾT
CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀO
CÁC HỌC PHẦN**

Phụ lục II: Ma trận phân bố chi tiết chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần

Phần 1: Kiến thức

[illegible]

[illegible]

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần																
			K01				K02		K03						K04		K05		
			K.01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K02.1	K02.2	K03.1	K03.2	K03.3	K03.4	K03.5	K03.6	K04.1	K04.2	K05.1	K05.2	K05.3
V	67233	Quản trị sản xuất								3									
	67313	Quản trị chuỗi cung ứng								3									
	67343	Thương mại điện tử											3		3		3		
	67273	Quản trị marketing									3				3	3			
	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3																
	67183	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD					3												
VI	67213	Quản trị chiến lược							4						4	4			
	67143	Nghiệp vụ XNK												3					
	67163	Quản trị kinh doanh quốc tế												3	3				
	67243	Quản trị rủi ro												3	3				
	67293	Quản trị dự án												3	3		3	3	
	67333	Quản trị thương hiệu												3	3			3	
	70053	Quản trị bán hàng												3	3				
	03022	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	3																
VII	67223	Quản trị đổi mới sáng tạo										4					3		
	67393	Khởi nghiệp kinh doanh										4					3	3	3
	67042	Tâm lý quản lý												3					

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần																
			K01				K02		K03						K04		K05		
			K.01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K02.1	K02.2	K03.1	K03.2	K03.3	K03.4	K03.5	K03.6	K04.1	K04.2	K05.1	K05.2	K05.3
		trong kinh doanh																	
	67052	Nghệ thuật lãnh đạo												3	3				3
	67192	Quản trị hành chính văn phòng												3					3
	67492	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề												3	3	3			
	67523	Phân tích và dự báo kinh doanh											3						
	68122	Kế toán quản trị						3											
	69112	Thị trường chứng khoán												3					
VIII	67955	Chuyên đề cuối khóa			4		4	4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4
	67533	Quản trị KPI							4									4	4
	67543	Quản trị quan hệ khách hàng									4						4		4
	67968	Khóa luận cuối khóa			4		4	4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4

Ghi chú: 1. Ghi nhớ, 2. Hiểu, 3. Áp dụng, 4. Phân tích, 5. Đánh giá – Sáng tạo

Phần 2: Kỹ năng

HK	Mã HP	Học phần	CDR về Kỹ năng và TĐNL được phân bổ cho học phần														
			S01					S02		S03			S04			S05	
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	S05.2
I	08133	Toán cao cấp C	2	2		2	2										
	67003	Quản trị học	2	2	2						2						
	30093	Kỹ năng số						2									
	66043	Kinh tế vi mô	2	2													
	71012	Pháp luật đại cương		2													
	70013	Marketing căn bản	2	2	2	2	2				2						
	12371	Thế dục và điền kinh*															
II	08733D	Xác suất thống kê A		2													
	67483	Phương pháp NC trong kinh doanh	2	2													
	66063	Kinh tế vĩ mô		3	3												
	67472	Giao tiếp kinh doanh								2	2	2					
	00033	Triết học Mác-Lênin	2		2		2										
	08024	English 1						2	2								
	12391	Bóng chuyền 1*															3
	12401	Cầu lông 1*															
	12271	Đá cầu 1*															
	12411	Bóng rổ 1*															
		Giáo dục quốc phòng và an ninh*															3
III	67263	Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức		2	2					2	2	2					
	67513	Phân tích định lượng trong kinh doanh		3	3								3	3	3		
	68063	Nguyên lý kế toán											3		3		

HK	Mã HP	Học phần	CDR về Kỹ năng và TĐNL được phân bổ cho học phần														
			S01					S02		S03			S04			S05	
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	S05.2
	71073	Luật thương mại		3	3												
	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		3													
	08034	English 2						3	3								
	12441	Bóng chuyền 2*															3
	12481	Cầu lông 2*															
	12281	Đá cầu 2*															
	12461	Bóng rổ 2*															
IV	69153	Quản trị tài chính		3	3	3									3		
	67123	Quản trị nhân lực		3		3	3						3	3			
	67173	Quản trị chất lượng	3			3			3								
	69002	Lý thuyết tài chính tiền tệ		3													
	68782	Nguyên lý thống kê kinh tế		3													
	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		3												
	08044	English 3						3	3								
V	67233	Quản trị sản xuất		3									3				
	67313	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	3										3		
	67343	Thương mại điện tử		3	3								3	3		3	
	67273	Quản trị marketing		3	3								3	3	3		
	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		3										3		
	67183	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD						3	3	3	3						
VI	67213	Quản trị chiến lược		4									3	3	3	4	4
	67143	Nghiệp vụ XNK		3		3	3	3	3								
	67163	Quản trị kinh doanh quốc tế								3	3	3	3		3		
	67243	Quản trị rủi ro	3	3									3	3	3		
	67293	Quản trị dự án		3	3								3	3	3	4	

HK	Mã HP	Học phần	CDR về Kỹ năng và TĐNL được phân bổ cho học phần														
			S01					S02		S03			S04			S05	
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S04.1	S04.2	S04.3	S05.1	S05.2
	67333	Quản trị thương hiệu		3	3						3		3	3	3		
	70053	Quản trị bán hàng									3	3			3		
	03022	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	3		3												
VII	67223	Quản trị đổi mới sáng tạo		4	4								4	4		4	4
	67393	Khởi nghiệp kinh doanh											4	4	4	4	4
	67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh	3	3						3		3					
	67052	Nghệ thuật lãnh đạo	4	4	4	4	4				4						
	67192	Quản trị hành chính văn phòng	3	3	3					3	4	3					
	67492	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	3	3	4					4	4	4					
	67523	Phân tích và dự báo kinh doanh		3											3		
	68122	Kế toán quản trị		3													
	69112	Thị trường chứng khoán	3	3													
VIII	67955	Chuyên đề cuối khóa	4	4	4			4	4	4	4	4	4				
	67533	Quản trị KPI		4		4	4								4		
	67543	Quản trị quan hệ khách hàng		4						4	4	4					
	67968	Khóa luận cuối khóa	4	4	4			4	4	4	4	4					

Ghi chú: 1. Bắt buộc, 2. Làm được, 3. Làm chính xác, 4. Phối hợp, 5. Thuần thực

Phần 3: Mức tự chủ trách nhiệm

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Mức tự chủ trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần											
			A01				A02					A03		
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A02.5	A03.1	A03.2	A03.3
I	08133	Toán cao cấp C					2		2					2
	67003	Quản trị học					2		2	2	2			2
	30093	Kỹ năng số	2											
	66043	Kinh tế vi mô					2		2					
	71012	Pháp luật đại cương											2	2
	70013	Marketing căn bản					3							3
	12371	Thể dục và điền kinh*							2			2		2
II	08733D	Xác suất thống kê A	2											
	67483	Phương pháp NC trong kinh doanh					2		2				2	2
	66063	Kinh tế vĩ mô					3					3	3	
	67472	Giao tiếp kinh doanh										3		
	00033	Triết học Mác-Lênin	2								2		2	
	08024	English 1	2				2							
	12391	Bóng chuyền 1*										2		2
	12401	Cầu lông 1*										3		
	12271	Đá cầu 1*										3		
	12411	Bóng rổ 1*									2	3		
		Giáo dục quốc phòng và an ninh*										3		
III	67263	Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức	2	2								3	3	
	67513	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3						3					
	68063	Nguyên lý kế toán	3										2	
	71073	Luật thương mại						2					2	

[illegible]

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Mức tự chủ trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần											
			A01				A02					A03		
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A02.5	A03.1	A03.2	A03.3
HK	67293	Quản trị dự án	3			3		3	3					
	67333	Quản trị thương hiệu			3							3		
	70053	Quản trị bán hàng	3		3	3						3	3	
	03022	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	3	3					3					3
VII	67223	Quản trị đổi mới sáng tạo	4		4			3	3				3	
	67393	Khởi nghiệp kinh doanh					3	3	3				3	3
	67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh						3			3	3		3
	67052	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3			3							
	67192	Quản trị hành chính văn phòng	3				3			3				
	67492	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	3				3				3			
	67523	Phân tích và dự báo kinh doanh						3						
	68122	Kế toán quản trị											3	3
	69112	Thị trường chứng khoán	3										3	
VIII	67955	Chuyên đề cuối khóa	4			4		4		4	4	4		4
	67533	Quản trị KPI	3				4			3	4			
	67543	Quản trị quan hệ khách hàng	3			3				3	4			
	67968	Khóa luận cuối khóa	4				4	4	4	4	4	4		4

Ghi chú: 1. Tiếp nhận, 2. Đáp ứng, 3. Đánh giá thừa nhận, 4. Tổ chức thực hiện, 5. Đặc trưng hóa

